

công đoàn cùng cấp số kinh phí theo dự toán quý. Trường hợp ngân sách có khó khăn thì cơ quan tài chính thương lượng với cơ quan công đoàn để cấp phát làm hai lần.

2. Quy định cuối mỗi quý và cuối năm phải thanh toán theo tiền lương thực tế nói trong thông tư số 76-TC/HCVX ngày 16-4-1970 của Bộ Tài chính nay không thi hành nữa.

Cuối năm, Liên hiệp công đoàn thành phố, tỉnh làm báo cáo quyết toán thu chi gửi Tổng công đoàn, đồng gửi 1 bản cho các Sở, Ty tài chính, Ủy ban kế hoạch ở địa phương, Chi cục thống kê để các cơ quan này tổng hợp vào quỹ tiêu dùng xã hội của địa phương; Tổng công đoàn tổng hợp và làm báo cáo quyết toán thu chi kinh phí toàn ngành công đoàn cả năm gửi Bộ Tài chính, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Tổng cục Thống kê để các cơ quan này tổng hợp vào quỹ tiêu dùng xã hội trong ngân sách Nhà nước để báo cáo với Hội đồng Chính phủ.

Tổng công đoàn sẽ hướng dẫn các liên hiệp công đoàn làm báo cáo quyết toán; đối với mẫu biểu báo cáo, cần có sự tham gia ý kiến của Bộ Tài chính, Tổng cục Thống kê.

3. Số kinh phí công đoàn bằng 2% quỹ tiền lương trên đây do Tổng công đoàn thống nhất quản lý.

Cuối mỗi năm, sau khi tổng hợp quyết toán thu chi toàn ngành cả năm, nếu còn thừa kinh phí thì số kinh phí thừa này được chuyển sang năm sau và do Tổng công đoàn thống nhất quản lý để có kế hoạch sử dụng cho năm tới.

4. Năm 1975, các Sở, Ty Tài chính phải cấp phát đủ kinh phí công đoàn bằng 2% quỹ lương kế hoạch cho các liên hiệp công đoàn theo quy định trên đây. Những khoản cấp phát thừa thiếu về kinh phí công đoàn từ năm 1974 trở về trước, nay không thanh toán lại nữa.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ đầu năm 1975. Những quy định trong thông tư số 76-TC/HCVX ngày 16-4-1970 của Bộ Tài chính trái với thông tư này đều bãi bỏ.

Hà-nội, ngày 1 tháng 4 năm 1975

K. T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

HOÀNG VĂN DIỆM

## NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT-NAM

**CHỈ THỊ số 5-NH/CT ngày 15-1-1975 về cho vay mở rộng diện tích phát triển nông, lâm nghiệp ở trung du và miền núi.**

Ngày 25 tháng 5 năm 1974 Hội đồng Chính phủ ban hành quyết định số 129-CP quy định chính sách đối với những hợp tác xã mở rộng diện tích phát triển nông, lâm nghiệp ở trung du và miền núi.

Để các hợp tác xã có điều kiện phát triển sản xuất mở rộng kinh doanh, Nhà nước giao cho mỗi hợp tác xã một diện tích đất đai nhất định để trồng trọt, chăn nuôi, trồng cây gây rừng. Những hợp tác xã nói trên đây, gồm: các hợp tác xã hiện có ở trung du và miền núi, các hợp tác xã và đồng bào vì định canh định cư mà phải chuyển đến vùng mới, và các hợp tác xã của đồng bào ở miền xuôi lên kinh doanh nông, lâm nghiệp ở trung du và miền núi. Đồng thời đi đôi với việc phát huy đến mức cao nhất tinh thần làm chủ tập thể, tự lực, tự cường của hợp tác xã, Nhà nước còn hỗ trợ thêm vốn (thông qua tín dụng không phải trả lãi và có trả lãi) để giúp hợp tác xã thực hiện kế hoạch mở rộng diện tích, phát triển kinh doanh và đẩy mạnh thâm canh, nhằm nhanh chóng ổn định đời sống, tiến tới xây dựng thành những hợp tác xã giàu mạnh, góp phần phát triển nền kinh tế quốc dân và đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Thi hành quyết định trên của Hội đồng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước trung ương ra chỉ thị hướng dẫn về cho vay đối với các hợp tác xã nói trên, như sau.

### I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Những hợp tác xã được vay vốn theo quyết định số 129-CP của Hội đồng Chính phủ phải là những hợp tác xã nằm trong những vùng đã có quy hoạch, được Thường vụ Hội đồng Chính phủ hay cấp có thẩm quyền do Chính phủ ủy nhiệm phê duyệt, hoặc trong trường hợp phương án quy hoạch vùng chưa được duyệt chính thức, phải có lệnh của Thủ tướng Chính phủ cho phép triển khai.

Sau khi đã được Nhà nước chính thức giao đất, giao rừng (có biên bản giao nhận) các hợp tác xã phải xây dựng quy hoạch cụ thể, định rõ phương hướng sản xuất trên từng loại đất, loại rừng được giao, lập các kế hoạch mở rộng diện tích phát triển sản xuất và kế hoạch vay vốn. Các tài liệu này đều phải được đại hội xã viên (hoặc đại hội đại biểu xã viên) nhất trí thông qua và các cấp có thẩm quyền chấp nhận, như: Ủy ban hành chính tỉnh phê duyệt quy hoạch cụ thể và phương hướng sản xuất, Ủy ban hành chính huyện xét duyệt các kế hoạch, trước khi đưa đến chi điểm ngân hàng Nhà nước.

2. Đối tượng cho vay dài hạn không phải trả lãi là các chi phí xây dựng ruộng, nương bậc thang; trồng các loại cây công nghiệp đầu tư nhiều vốn: chè, dứa, dâu tằm...; trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lấy gỗ; chăm sóc; bảo vệ tu bổ rừng đã có sẵn, cải tạo đồng cỏ, xây dựng các cơ sở phục vụ sản xuất và phúc lợi công cộng.

Mức vốn cho vay dài hạn không phải trả lãi và thời hạn cho vay vốn không phải trả lãi cho từng đối tượng và từng hợp tác xã. Căn cứ vào mức vốn cho vay không phải trả lãi do Hội đồng tin dụng tỉnh xét đề nghị và được chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh quyết định cho mỗi tiểu vùng nông, lâm nghiệp, nhưng mức quy định tối đa không được quá mức vốn cho vay tối đa của mỗi đối tượng đã quy định trong quyết định số 129-CP của Hội đồng Chính phủ.

3. Các hợp tác xã được vay vốn phải thực hiện đầy đủ các nguyên tắc tín dụng xã hội chủ nghĩa, như:

— Phải sử dụng vốn vay đúng mục đích, đúng đối tượng ghi trong hợp đồng tín dụng, và chỉ được nhận tiền vay dần theo mức thực hiện kế hoạch;

— Vốn vay phải được đảm bảo bằng giá trị vật chất tương đương, ví dụ: phải mở rộng diện tích theo đúng quy hoạch, quy trình kỹ thuật cho từng loại đất và từng đối tượng, đạt hiệu quả kinh tế cao;

— Phải hoàn trả vốn vay đúng hạn. Nếu là vay vốn dài hạn không phải trả lãi, phải thực hiện tốt các tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật đề được xóa nợ theo thời hạn quy định: nếu là vốn vay có trả lãi phải trả cả vốn lẫn lãi theo các kỳ hạn nợ đã ghi trong kế ước (hay trong hợp đồng tín dụng).

4. Các hợp tác xã vay vốn phải là những đơn vị sản xuất có đủ tư cách pháp nhân (do Ủy ban hành chính huyện công nhận), phải có sổ sách kế toán rõ ràng và thực hiện tốt các chế độ hạch toán thống nhất, phải mở tài khoản và gửi các loại tiền vốn vào Ngân hàng, và phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

## II. CHO VAY DÀI HẠN KHÔNG PHẢI TRẢ LÃI

Cho vay dài hạn không phải trả lãi là sự hỗ trợ của Nhà nước cho các hợp tác xã được Nhà nước giao đất, giao rừng có thêm vốn để thực hiện kế hoạch mở rộng diện tích phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp. Nếu hợp tác xã sản xuất kinh doanh theo đúng quy hoạch và phương hướng sản xuất của Nhà nước, làm tốt các quy trình kỹ thuật và khi đi vào sản xuất đạt hiệu quả kinh tế, bán sản phẩm cho Nhà nước, sẽ được Nhà nước xét thưởng, bằng cách xóa nợ dần số vốn cho vay để hợp tác xã tăng cường nguồn vốn tự có. Những hợp tác xã không làm đúng quy định, phải trả lại số vốn đã vay cho Nhà nước.

### I. Đối tượng cho vay.

Với mức vốn và thời hạn cho vay đã được chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh duyệt. Chi điểm ngân hàng căn cứ vào các định mức kinh tế - kỹ thuật do Ủy ban Nông nghiệp trung ương hay Tổng cục Lâm nghiệp quy định cho từng loại cây trồng, cần tập trung vốn cho vay vào các yếu tố trực tiếp tạo ra giá trị công trình, gồm: chi phí công lao động trực tiếp xây dựng công trình, chi phí vật tư dùng vào mục đích đầu tư cơ bản, như: hạt giống, phân, vôi... chi phí hao mòn các công cụ lao động dùng vào việc xây dựng công trình, để hợp tác xã hoàn thành dứt điểm thời kỳ xây dựng cơ bản trong thời hạn ấn định.

a) *Đối với xây dựng ruộng, nương bậc thang* để trồng cây lương thực, cây thực phẩm, các loại cây công nghiệp ngắn ngày khác, cần tập trung vốn vay vào các yếu tố chi phí trả công lao động đào đắp, sạ cấy, san mặt bằng..., để tạo thành diện tích ruộng, nương bậc thang đưa vào sản xuất lâu bền.

b) *Đối với khai hoang mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp* như: chè, dứa, dâu tằm..., cho

vay các nhu cầu chi phí công khai phá đất hoang, làm đường viên, đường lô, mua phân, giống cây trồng; các chi phí dùng vào việc chăm sóc cây trồng; để tạo ra diện tích trồng mới có cây mọc đông đặc theo tiêu chuẩn kỹ thuật, và sống xanh tốt.

c) *Đối với khai hoang mở rộng diện tích trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lấy gỗ...* như: trâu, bò đê, mít..., cho vay để bù đắp chi phí công làm đất, giống trồng, công chăm sóc..., cho đến khi cây mọc, sống xanh tốt, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật trên đơn vị diện tích trong thời kỳ xây dựng cơ bản.

d) *Đối với chăm sóc, bảo vệ, tu bổ rừng đã có sẵn* cho vay để chi phí phát cỏ và dây leo, bù đắp công lao động bảo vệ rừng thường xuyên, nhằm tạo thành diện tích rừng theo tiêu chuẩn của lâm nghiệp quy định.

e) *Đối với cải tạo đồng cỏ chăn nuôi gia súc lớn*, cho vay để chi phí phát cỏ dại, trồng dặm, chăm sóc, bảo vệ, để tạo ra diện tích đồng cỏ đạt năng suất và sản lượng theo chỉ tiêu kế hoạch đã được duyệt.

g) *Đối với số tiền từ 100 đến 150đ (chỉ tính trên mỗi hecta ruộng, nương bậc thang và mỗi hecta trồng mới các loại cây dài ngày) để xây dựng các cơ sở phục vụ sản xuất và các phúc lợi công cộng*, như sân phơi, nhà kho, chuồng trại chăn nuôi tập thể, giếng nước ăn công cộng, nhà trẻ, hệ thống truyền thanh, trụ sở hợp tác xã, v.v... cần tập trung vốn vào các chi phí xây dựng, để hợp tác xã hoàn thành dứt điểm từng công trình, sớm đưa vào sử dụng. Đối tượng này chỉ áp dụng đối với các hợp tác xã của đồng bào miền xuôi mới lên trung du, miền núi và của đồng bào vì định canh định cư mới chuyển đến trong vùng và cũng chỉ tính trên số diện tích khai hoang trồng mới kể từ thời điểm 25 tháng 5 năm 1974 trở về sau.

## 2. Phương thức cho vay.

a) Các chi điểm ngân hàng căn cứ vào kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và kế hoạch vay vốn dài hạn không phải trả lãi của hợp tác xã để xét duyệt mức vốn cho vay. Các kế hoạch này phải xây dựng trên cơ sở kế hoạch khai hoang mở rộng diện tích phát triển sản xuất, và phải đạt các yêu cầu cơ bản sau đây:

— Các chi phí xây dựng cơ bản của mỗi loại công trình (trên đơn vị diện tích) ghi trong kế

hoạch phải tính toán trên cơ sở các định mức kinh tế — kỹ thuật quy định.

— Đối với kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, phải cân đối giữa nhu cầu và khả năng thực tế của hợp tác xã về lao động — vật tư — tiền vốn (bao gồm các nguồn vốn tự có và vốn vay) cho từng hạng mục công trình, phải xác định rõ những công trình khai hoang và trồng mới, những công trình chưa hoàn thành từ các năm trước chuyển sang, những công trình sẽ hoàn thành và đưa vào sản xuất trong năm kế hoạch và dự kiến ít nhất cho một năm kế hoạch tiếp theo. Phải kèm theo các kế hoạch thi công, xác định khối lượng công việc và nhu cầu chi phí cho từng thời gian cụ thể;

— Đối với kế hoạch vay vốn, số vốn xin vay ghi trong kế hoạch phải ăn khớp với mức vốn cho vay không phải trả lãi đã được duyệt cho từng hạng mục công trình, phải phản ánh số vốn xin vay để khai hoang và trồng mới, số vốn xin vay để tiếp tục quá trình đầu tư cơ bản đối với những công trình kiến thiết cơ bản dở dang, số vốn đầu tư vào những công trình sẽ đưa vào sản xuất kinh doanh trong năm kế hoạch, phải định rõ thời gian sử dụng vốn vay phù hợp với kế hoạch thi công xây dựng cơ bản.

b) Các chi nhánh, chi điểm ngân hàng phải cùng các ngành nông, lâm nghiệp, tài chính địa phương giúp đỡ hợp tác xã và tham gia xét duyệt các quy hoạch, kế hoạch của hợp tác xã. Nếu trong khi xét duyệt các định mức vốn và thời hạn cho vay, có những quan điểm không nhất trí giữa Ngân hàng với các cơ quan đó, thì phải phản ánh lên Ngân hàng cấp trên xem xét và bàn bạc với các ngành hữu quan để thống nhất ý kiến trước khi quyết định cho vay.

c) Sau khi nhận được thông báo về việc quyết định cho vay của chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh và thông báo về chỉ tiêu vốn của Ngân hàng tỉnh, Chi điểm ngân hàng sẽ căn cứ các đơn xin vay của hợp tác xã và các kế hoạch kèm theo để cho hợp tác xã lập kế hoạch xin vay (hoặc ký kết hợp đồng tín dụng).

— Ngân hàng phát tiền vay cho hợp tác xã theo kế hoạch thi công xây dựng cơ bản, với nguyên tắc phát từng lần, phát tiền lần sau phải trên cơ sở kiểm tra sử dụng số tiền vay phát ra lần trước và bằng cách đó, thúc đẩy các hợp tác xã thực hiện các quy trình, quy phạm kỹ thuật và hoàn thành kế hoạch xây dựng cơ bản đúng hạn;

— Ngân hàng có thể tạm phát tiền vay trước trên cơ sở chương trình công việc sẽ làm trong kỳ (có thể hàng tháng) của hợp tác xã gửi đến ngân hàng, cuối mỗi kỳ đưa vào báo cáo kết quả khối lượng công việc thực tế hoàn thành, Ngân hàng kiểm tra và điều chỉnh số vốn đã phát ra, đồng thời ấn định mức phát tiền vay cho kỳ tiếp theo. Tổng số vốn phát ra cho các kỳ trong khâu (hay giai đoạn) kiến thiết cơ bản không quá 70% mức vốn cho vay kế hoạch của khâu đó, Ngân hàng sẽ chi nốt phần vốn vay còn lại (30%) sau khi đã kiểm tra kết quả thi công của hợp tác xã.

d) Việc nghiệm thu công trình hoàn thành là nhiệm vụ chung của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, tài chính, ngân hàng. Sau khi hợp tác xã hoàn thành công trình theo đúng tiêu chuẩn đối với từng đối tượng đã quy định ở điểm 1 trên đây cần phải xúc tiến ngay việc nghiệm thu. Yêu cầu là phải đánh giá khối lượng và chất lượng công trình đã hoàn thành trên cơ sở những tiêu chuẩn kinh tế-kỹ thuật quy định, kiểm tra toàn bộ các chi phí xây dựng cơ bản và bản quyết toán công trình, có biện pháp giải quyết đối với các trường hợp vi phạm các nguyên tắc tín dụng xã hội chủ nghĩa.

Phải lập biên bản nghiệm thu để xác định rõ những vấn đề trên đây, có chữ ký của các thành viên trong ban nghiệm thu và đại diện của hợp tác xã. Biên bản này còn dùng làm tài liệu để xét và đề nghị cho xóa nợ, đồng thời theo dõi trách nhiệm của các bên (hợp tác xã, Ủy ban nông nghiệp, Lâm nghiệp, Ngân hàng, Tài chính) về việc sử dụng vốn cho vay và hiệu quả kinh tế của công trình.

3. Đối với số diện tích khai hoang trồng mới trong năm 1974 do ngân sách địa phương trợ cấp hiện còn đang kiến thiết cơ bản dở dang, nếu vốn ngân sách địa phương đã cấp đủ so với định mức vốn cho vay trong quyết định số 129-CP của Hội đồng Chính phủ, thì Ngân hàng không cho vay thêm vốn không phải trả lãi, hợp tác xã tự giải quyết để hoàn thành xây dựng cơ bản, sớm đưa công trình vào sản xuất. Trường hợp mức vốn do cấp chưa đủ theo định mức quy định, số diện tích này sẽ được xét đề cho vay thêm vốn không lãi, nhưng phải được Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh quyết định.

#### 4. Nguồn vốn cho vay.

Nguồn vốn cho vay dài hạn không phải trả lãi do ngân sách trung ương chuyển sang cho

Ngân hàng Nhà nước trung ương theo kế hoạch hàng năm. Ngân hàng trung ương sẽ căn cứ vào kế hoạch khai hoang mở rộng diện tích, kế hoạch vay vốn dài hạn không phải trả lãi của các địa phương đã được Chính phủ phê chuẩn, đề phân phối vốn cho các chi nhánh. Các chi nhánh, chi điểm chỉ được cho vay trong hạn mức đã được Ngân hàng trung ương thông báo. Trường hợp cần thêm vốn để thực hiện vượt mức kế hoạch khai hoang và trồng mới, các chi nhánh phải lập kế hoạch xin thêm vốn gửi về Ngân hàng trung ương đề xét và giải quyết.

#### 5. Kiểm tra sử dụng vốn vay.

Việc kiểm tra sử dụng vốn vay dài hạn không phải trả lãi cũng áp dụng như những nguyên tắc và phương pháp kiểm tra vay vốn tín dụng ngân hàng có trả lãi.

Ở đây, chỉ nhấn mạnh một số điểm :

a) Phải tăng cường kiểm tra xác minh việc sử dụng vốn vay sau mỗi khâu và mỗi giai đoạn chuyển tiếp của quá trình xây dựng cơ bản, phải kết hợp chặt chẽ việc kiểm tra trên sổ sách chứng từ với khối lượng công việc đã hoàn thành ở thực địa, phải đối chiếu giữa chi phí xây dựng cơ bản thực tế với kế hoạch, giữa tiến độ thi công với kế hoạch thi công xây dựng cơ bản để có biện pháp thúc đẩy việc hoàn thành kế hoạch đúng hạn.

Tùy yêu cầu của mỗi đợt kiểm tra, có thể tổ chức thành đoàn kiểm tra : gồm một số ngành có liên quan ở huyện, hoặc chỉ mời cán bộ kỹ thuật cùng tham gia kiểm tra. Khi kiểm tra, nếu phát hiện hợp tác xã sử dụng vốn sai mục đích hay làm không đúng quy trình kỹ thuật..., thì phải lập biên bản, có kiến nghị và yêu cầu hợp tác xã sửa chữa kịp thời.

b) Đối với những hợp tác xã sử dụng vốn vay không đúng mục đích quy định, như : không làm đúng quy hoạch các quy trình kỹ thuật..., Ngân hàng tạm thời đình chỉ cho vay tiếp và đề nghị Ủy ban hành chính xã, huyện can thiệp kịp thời. Sau khi đã được các cấp chính quyền xã, huyện nhiều lần can thiệp, hợp tác xã vẫn không sửa lại cho đúng, thì ngân hàng sẽ thu hồi lại số vốn cho vay sử dụng không đúng. Thời hạn hoàn trả sẽ do Ủy ban nông nghiệp, lâm nghiệp, phòng tài chính, chi điểm ngân hàng đề nghị và Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện quyết định.

#### 6. Việc xét thương bằng cách xóa nợ.

Sau khi hợp tác xã sử dụng số vốn cho vay dài hạn không phải trả lãi hoàn thành xây dựng

cơ bản và khi đưa công trình vào sản xuất có hiệu quả kinh tế, chỉ điểm ngân hàng, căn cứ vào những quy định cho xóa nợ ghi trong quyết định số 129-CP của Hội đồng Chính phủ và mức sản phẩm làm ra, mức sản phẩm phải bán cho Nhà nước do Ủy ban hành chính tỉnh quy định, cùng với các ngành ở huyện xét và đề nghị lên Hội đồng tín dụng tỉnh.

a) Đối với các ruộng, nương bậc thang để sản xuất các loại cây lương thực, cây thực phẩm ngắn ngày, sau khi đã xây dựng thành ruộng đất để sản xuất lâu bền và sản xuất đạt mức sản lượng sản phẩm bình quân mỗi héc-ta (quy ra thóc), sẽ được xóa nợ.

b) Đối với những cây ngắn ngày và những cây có vòng quay nhanh như: chè, dưa, đậu tằm, đồng cỏ... sau khi đã xây dựng thành ruộng đất để sản xuất lâu bền, trồng đúng kỹ thuật và bắt đầu có thu hoạch, thì tiêu chuẩn để xóa nợ là căn cứ vào số lượng sản phẩm bán cho Nhà nước hàng năm để đề nghị xóa nợ dần cho hợp tác xã.

c) Đối với những cây dài ngày (cây lấy gỗ, cây công nghiệp, lưu niên...) sau khi trồng mới hoặc cải tạo tốt (đảm bảo các mặt: tỷ lệ cây sống và xanh tốt, mật độ cây trồng, chế độ bảo vệ), sẽ xóa nợ một nửa số tiền đã vay, nửa còn lại sẽ tiếp tục xóa dần trên cơ sở lượng sản phẩm bán cho Nhà nước hàng năm theo kế hoạch.

d) Đối với những khoản cho vay từ 100 đến 150đ cho các hợp tác xã của đồng bào ở miền xuôi mới lên và của đồng bào vì định canh định cư chuyển đến trong vùng để có thêm vốn xây dựng các cơ sở phục vụ sản xuất và phúc lợi công cộng, sau khi xác nhận thực tế những cơ sở đã xây dựng và mua sắm với giá trị tương đương, thì sẽ xóa nợ cho hợp tác xã.

Sau khi nhận được quyết định cho xóa nợ của Hội đồng Chính phủ (hay của cấp có thẩm quyền do Thường vụ Hội đồng Chính phủ ủy nhiệm), các chi nhánh, căn cứ vào danh sách số hợp tác xã được xóa nợ, số nợ được xóa cho từng hợp tác xã, tổng hợp gửi về Ngân hàng trung ương mỗi thứ 2 bản. Ngân hàng trung ương sẽ chuyển vốn cho các chi nhánh, đề thông báo cho các chi điểm thực hiện việc xóa nợ cho từng hợp tác xã và từng đối tượng. Đồng thời, các chi nhánh phải báo cáo kết quả việc xóa nợ về Ngân hàng trung ương theo chế độ quy định.

e) Việc cho vay không phải trả lãi phải mở tài khoản để hạch toán riêng. Do đó đối với trường

hợp do nguyên nhân khách quan gây ra, (không có vật tư bảo đảm vốn vay, như: bị thiên tai phá hoại, sương muối, lũ quét) hoặc do cấp trên quyết định thay đổi phương hướng sản xuất... thì số tiền đó phải ghi vào một tiêu khoản riêng để theo dõi và trình lên Chính phủ giải quyết. Các chi nhánh, chỉ điểm ngân hàng chỉ được ghi vào tiêu khoản này số vốn vay không có vật tư bảo đảm đã có biên bản xác nhận của Hội đồng tín dụng và được Ủy ban hành chính tỉnh xét duyệt.

### III. CHO VAY CÓ TRẢ LÃI

Ngoài việc được vay vốn dài hạn không phải trả lãi để mở rộng diện tích sản xuất nông, lâm nghiệp, Ngân hàng Nhà nước còn cho các hợp tác xã vay vốn tín dụng có lãi, để có thêm vốn mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh và đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất.

#### 1. Đối tượng cho vay.

##### a) Cho vay vốn cố định:

Ngân hàng cho các hợp tác xã vay dài hạn có lãi để xây dựng các cơ sở vật chất và kỹ thuật phục vụ sản xuất: làm thủy lợi nhỏ, như xây dựng các kênh mương dẫn nước cho từng cánh đồng... mua phân, vôi để cải tạo đất trồng trọt, mua sắm các giống trâu bò sinh sản và lợn nái cơ bản để chăn nuôi tập thể, nuôi cá ao hồ ở những nơi có điều kiện, mở rộng kinh doanh các nghề làm vôi, gạch, chế biến nông sản...

Đối với các hợp tác xã từ các nơi khác mới chuyển đến làm ăn trong vùng kinh tế mới, vốn tích lũy chưa có hoặc có rất ít, đời sống xã viên còn khó khăn, có mở rộng diện tích trồng mới các loại cây công nghiệp dài ngày có chi phí đầu tư cơ bản cao như: chè, dưa, đậu tằm..., nếu mức vốn cho vay dài hạn không phải trả lãi và khả năng tự lực của hợp tác xã không đủ đảm bảo hoàn thành kế hoạch xây dựng cơ bản, thì Ngân hàng có thể xét cho vay dài hạn có trả lãi để hợp tác xã có thêm vốn chăm bón cây trồng còn đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản.

##### b) Cho vay vốn lưu động:

Ngân hàng cho các hợp tác xã vay vốn tín dụng ngắn hạn để bổ sung thêm vốn lưu động đáp ứng các nhu cầu chi phí sản xuất thường

xuân và thời vụ cho các ngành nghề sản xuất và kinh doanh trong hợp tác xã.

### 2. Nguồn vốn cho vay.

Nguồn vốn cho vay có trả lãi đầu tư vào những đối tượng trên đây nằm trong chỉ tiêu vốn cho vay hàng năm Ngân hàng trung ương phân phối cho các chi nhánh. Đề theo dõi kết quả vốn cho vay đối với các vùng kinh tế mới, cần phải mở tài khoản riêng để hạch toán vốn cho vay này.

### 3. Lãi suất cho vay.

Lãi suất cho vay áp dụng theo chế độ lãi suất chính thức đã duyệt và hiện nay đang thi hành, cụ thể là áp dụng theo thông tư số 15-TT/NH, ngày 15-12-1969 giải thích và hướng dẫn thi hành quyết định số 108-TTg ngày 6-10-1969 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau :

a) Lãi suất cho vay dài hạn đối với những hợp tác xã hiện có ở trung du và miền núi nằm trong vùng kinh tế mới, áp dụng theo chế độ lãi suất 0,21% .

b) Lãi suất cho vay dài hạn đối với các hợp tác xã của đồng bào ở miền xuôi mới lên và kê cả của đồng bào vì định canh, định cư chuyển đến trong vùng, đời sống chưa ổn định (trong thời gian định hình khoảng từ 3 đến 7 năm) được áp dụng chế độ lãi suất 0,18% . Sau thời gian đó, sẽ thi hành chế độ lãi suất thống nhất 0,21% .

c) Lãi suất cho vay ngắn hạn 0,33% áp dụng chung đối với các loại hợp tác xã.

### 4. Cho vay xã viên phát triển kinh tế phụ gia đình.

Ở những nơi hợp tác xã tin dụng không có hoặc không thể đảm nhiệm việc cho vay phát triển kinh tế phụ gia đình, Ngân hàng Nhà nước sẽ trực tiếp cho các gia đình xã viên, nhất là gia đình xã viên của các hợp tác xã từ những nơi khác chuyển đến trong vùng, vay vốn chăn nuôi lợn, trâu bò ở những nơi có điều kiện và làm các nghề thủ công khác..., nhưng không làm ảnh hưởng đến việc quản lý lao động của hợp tác xã, đề tăng lượng sản phẩm hàng hóa, nâng cao mức thu nhập của xã viên và góp phần hỗ trợ cho kinh tế tập thể.

5. Các hợp tác xã và gia đình xã viên ở miền xuôi đi xây dựng cơ sở mới theo chính sách, Nhà nước giao đất, giao rừng, hỗ trợ vốn để hợp tác xã sản xuất kinh doanh và trợ cấp cho xã viên

làm nhà ở nơi mới. Đối với tài sản của họ ở quê cũ, chủ hộ có quyền nhượng lại cho bà con hoặc người cùng ở trong hợp tác xã, trong thôn, xã với giá cả do hai bên thỏa thuận, Ngân hàng Nhà nước không cho vay đề đền bù hoa lợi ruộng đất, mua lại tài sản, thanh toán công điền..., như cho vay khai hoang trước đây.

## IV. HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VÀ THỦ TỤC CHO VAY

### 1. Bổ sung bảng đồ kế toán hiện hành :

Bổ sung điều 53. Hạch toán phân tích :

Mở thêm 2 phân loại tiêu khoản như sau :

— 06 « Cho vay mở rộng diện tích nông, lâm nghiệp ».

Phân loại tiêu khoản này dùng mở cho tài khoản 616 để hạch toán các khoản vốn ngân hàng cho vay có thu lãi về mở rộng diện tích phát triển nông, lâm nghiệp trong các vùng kinh tế mới ;

— 07 « Cho vay mở rộng diện tích nông, lâm nghiệp không tính lãi ».

Phân loại tiêu khoản này dùng mở cho tài khoản 616 để hạch toán các khoản ngân hàng cho vay bằng vốn của ngân sách chuyển sang về mở rộng diện tích phát triển nông, lâm nghiệp không tính lãi ở trung du và miền núi.

### 2. Thủ tục kế toán cho vay và thu nợ.

#### a) Cho vay có tính lãi :

Thủ tục cho vay được tiến hành bình thường theo chế độ kế toán cho vay hiện hành.

Khi phát tiền vay, ghi nợ vào tài khoản 06616

#### b) Cho vay không tính lãi :

— Khế ước cho vay lập theo mẫu số 1CVM (mẫu khế ước cho vay dài hạn hiện hành). Trên khế ước có đóng dấu chữ khắc sẵn hoặc viết tay bằng mực đỏ « không phải trả lãi » ở mặt trước góc bên phải của khế ước và « xóa nợ » trên góc phải ở mặt sau khế ước ;

— Khế ước được lập riêng cho từng đối tượng vay. Trên khế ước phải ghi rõ mục đích cụ thể về sử dụng vốn vay, và định mức vốn cho mỗi hecta. Kỳ hạn nợ chính thức ghi ở mặt trước khế ước là kỳ hạn xóa nợ lần cuối cùng của

khế ước, kỳ hạn kế hoạch xóa nợ từng lần ghi ở mặt sau khế ước cột «kế hoạch trả nợ»;

— Lãi suất, ghi: «Không tính lãi»;

— Mỗi lần phát tiền vay phải có chữ ký nhận của người vay trên khế ước chỗ quy định. Khi phát tiền vay, ghi:

Nợ: 07616 tiền khoản đơn vị vay.

Có: Tài khoản thích hợp.

Cuối ngày, các khế ước cho vay lần đầu được lập thủ tục ghi nhập tài khoản 9922.

— Khi nhận được vốn do Ngân hàng trung ương chuyển về để xóa nợ, ghi:

Nợ: Tài khoản liên hàng đến.

Có: 07616 tiền khoản đơn vị được xét xóa nợ.

Các khế ước xóa nợ lần cuối cùng được lập thủ tục ghi xuất tài khoản 9922.

Đề thực hiện tốt những quy định trên đây, các đồng chí Trưởng chi nhánh, chi điểm tổ chức phổ biến kỹ tinh thần và nội dung chỉ thị này và các văn bản hướng dẫn thi hành kèm theo cho các cán bộ trong ngành, các hợp tác xã và các ngành có liên quan. Đối với các chi điểm có cho vay dài hạn không phải trả lãi, phải bố trí đủ cán bộ tín dụng, kế toán để thực hiện, phải chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ hạch toán, thống kê và chế độ báo cáo, thịnh thị.

Phải kết hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan ở tỉnh, huyện để sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư và phát huy tác dụng phục vụ, giám đốc, của Ngân hàng Nhà nước đối với các hợp tác xã.

Các ông Cục trưởng, Cục tín dụng nông nghiệp, Vụ trưởng Vụ kinh tế — kế hoạch và Vụ kế toán — tài vụ có trách nhiệm hướng dẫn những mặt nghiệp vụ cụ thể để thi hành chỉ thị này

Những quy định ban hành trước đây về cho vay khai hoang, như thông tư liên bộ Ngân hàng Nhà nước và Tổng cục khai hoang số 01-VP/259, ngày 12-2-1965, chỉ thị số 05-M/59, ngày 28-10-1965 về hướng dẫn cho vay, thu nợ đối với các hợp tác xã khai hoang nông nghiệp (theo thông tư liên bộ số 01-VP/M 39) đều hết hiệu lực.

Hà-nội, ngày 15 tháng 1 năm 1975

Tổng Giám đốc

Ngân hàng Nhà nước Việt-nam

TẠ HOÀNG CƠ

## ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC

**THÔNG TƯ số 217-KHKT/TC ngày 8-3-1975 hướng dẫn thi hành Điều lệ về công tác tiêu chuẩn hóa ở xí nghiệp công nghiệp.**

Ngày 30 tháng 12 năm 1974 Hội đồng Chính phủ đã ra quyết định số 290-CP ban hành Điều lệ về công tác tiêu chuẩn hóa ở xí nghiệp công nghiệp.

Căn cứ theo điều 2 của quyết định, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước ra thông tư này giải thích và hướng dẫn các ngành, các cấp thi hành bản điều lệ đó.

### I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG BẢN ĐIỀU LỆ

Tiêu chuẩn hóa là một trong những nội dung và biện pháp quan trọng để Nhà nước quản lý kinh tế, quản lý kỹ thuật thúc đẩy sản xuất phát triển. Đặc biệt trong thời kỳ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, chuyển nền sản xuất lạc hậu, phân tán trở thành nền sản xuất lớn hiện đại, tiêu chuẩn hóa là yếu tố không thể thiếu được để hợp lý hóa tổ chức sản xuất, nâng cao năng suất lao động, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, sử dụng hợp lý và tiết kiệm nguyên vật liệu, đảm bảo an toàn kỹ thuật và an toàn lao động.

Nhận rõ vai trò quan trọng đó của tiêu chuẩn hóa, ngày 24 tháng 8 năm 1963 Hội đồng Chính phủ đã ban hành Điều lệ tạm thời về việc nghiên cứu, xây dựng, xét duyệt, ban hành và quản lý các tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp kèm theo nghị định số 123-CP. Đó là bản điều lệ áp dụng chung cho tất cả các ngành, các cấp từ trung ương tới cơ sở, trong đó có đề cập tới việc xây dựng ban hành tiêu chuẩn xí nghiệp (điều 24, chương III), trách nhiệm trong việc áp dụng tiêu chuẩn của xí nghiệp (điều 27, chương IV), tổ chức chuyên trách tiêu chuẩn hóa ở xí nghiệp (điều 35, chương V). Tuy nhiên, từ đó đến nay nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh còn chưa coi trọng công tác tiêu chuẩn hóa, chưa nơi nào thực hiện đúng những điều Nhà nước đã quy định về tiêu chuẩn hóa trong cơ sở của mình. Nhiều tiêu chuẩn Nhà nước, tiêu chuẩn ngành đã ban hành không